

Bản án số: 89/2023/DS-ST

Ngày: 14-7-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Nguyễn Thị Mai

- **Thư ký phiên toà:** Bà Tạ Thị Thịnh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện TT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên toà:** Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV; Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông **Ngô Chí D** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông **Phạm Tuấn A** - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ Pháp lý (*Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020*). **Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:** Ông **Lê Trung A1**, có mặt tại phiên toà. Ông **Nguyễn Thành D1** - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng, vắng mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn:

- Ông **Cán Văn T**, sinh năm 1983 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

- Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1988;

Bà Bùi Thị H uỷ quyền cho ông Cán Văn T (*theo giấy uỷ quyền ngày 18/6/2023*);

Cùng đăng ký thường trú: Thôn ĐL, xã BP, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV – Do người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Trung A1 trình bày:

Ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H vay của VP tổng số tiền là 368,000,000 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu đồng), cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 10269357, ngày 16/11/2016 và khế ước nhận nợ kèm theo. Số tiền vay: 283,000,000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu đồng); Thời hạn vay: 72 tháng, tính từ ngày 16/11/2016; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô XE TAI GIAI PHONG; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,8%/năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2021. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 72 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) 5%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng tín dụng số LD1922100702, ngày 09/08/2019. Số tiền vay: 85,000,000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng); Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày 09/08/2019; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng; Lãi suất chi tiết tại hợp đồng cho vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: - 01 xe ô tô, nhãn hiệu XE TAI GIAI PHONG số khung 5237FH000047, số máy LAGC15006131; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 29C – 745.26 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp. Bằng việc ký Hợp đồng cho vay nói trên, Ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H xác nhận đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại “Điều Kiện Giao Dịch Chung” về cho vay và thế chấp xe ô tô áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay từng lần, giải ngân một lần tại VP để mua xe ô tô và khoản vay được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm là xe ô tô của chính Khách hàng. “Điều Kiện Giao Dịch Chung” bao gồm những điều khoản ổn định do VP niêm yết tại công khai tại trụ sở VP và trên website <http://www.VP.com.vn>. Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, Ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/07/2020 đối với VP và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Tạm tính đến ngày 11/02/2023, Ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H còn nợ

VP tổng số tiền là:

Nợ gốc: 170,653,973 đồng

Nợ lãi: 106,982,828 đồng

Tổng cộng: 277,636,801 đồng

VP đề nghị Tòa án xem xét tuyên trong bản án các nội dung sau:

Đề nghị Tòa án buộc Ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H phải thanh toán cho VP toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tạm tính đến ngày 11/02/2023 khoản tiền là:

Nợ gốc: 170,653,973 đồng

Nợ lãi: 106,982,828 đồng

Tổng cộng: 277,636,801 đồng

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H thanh toán hết khoản nợ cho VP. Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: VP có quyền thu giữ, tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H để thu hồi nợ cho VP, trong đó có tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu XE TAI GIAI PHONG số khung 5237FH000047, số máy LAGC15006131; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 29C – 745.26 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

2. Bị đơn là ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H trình bày: Ông T, bà H xác nhận ông và bà H cùng ký kết các thỏa thuận tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 10269357 ngày 16/11/2016 và khế ước nhận nợ số 10269357 ngày 16/11/2016; Hợp đồng tín dụng số LD1922100702 ngày 09/08/2019. Toàn bộ nội dung thỏa thuận tín dụng như đại diện của Ngân hàng Việt Nam TV trình bày là đúng, mục đích vay của vợ chồng ông là thanh toán tiền mua xe ô tô và vay tiêu dùng. Quá trình vay tiền vài tháng thì do dịch bệnh nên làm ăn thua lỗ nên ông bà đã không thanh toán được cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Nay Ngân hàng yêu cầu ông bà thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 11/02/2023 với tổng số tiền cả hai khoản vay là 277.636.801 đồng. Trong đó nợ gốc là 170.653.973 đồng, nợ lãi 106.982.828 đồng, ông công nhận đúng. Đồng thời ông bà xác nhận việc ký kết thỏa thuận thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 như đại diện Ngân hàng Việt Nam TV trình bày là đúng. Ông T, bà H xác định hiện tại kinh tế gia đình quá khó khăn nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà từ nay đến hết tết âm lịch năm 2024 sẽ tất toán khoản vay.

3. Ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự:

Đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng Việt Nam TV trình bày: Ngân hàng Việt Nam TV yêu cầu ông T, bà H thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 14/7/2023 **với tổng số tiền cả hai khoản vay là 311.900.577 đồng.**

Trường hợp ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng Việt Nam TV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn là ông Cấn Văn T, bà Bùi Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

4. Đại diện Viện kiểm sát huyện TT phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VP, đề nghị buộc ông Cấn Văn T, bà Bùi Thị H trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày ngày 14/7/2023 **với tổng số tiền cả hai khoản vay là 311.900.577 đồng. Kể từ ngày tiếp theo**, ông T và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

- Trường hợp ông T, bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu XE TAI GIAI PHONG số khung 5237FH000047, số máy LAGC15006131; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 29C – 745.26 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H.

- Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định pháp luật. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng Việt Nam TV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định về tố tụng.

Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay không có đăng ký kinh doanh nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Nhận định về nội dung vụ án.

[2.1] *Về quan hệ tín dụng*: Người đại diện của Ngân hàng Việt Nam TV và bên vay là ông Cấn Văn T, bà Bùi Thị H thống nhất xác nhận toàn bộ thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 10269357 ngày 16/11/2016 và khế ước nhận nợ số 10269357 ngày 16/11/2016; Hợp đồng cho vay số LD1922100702 ngày 09/08/2019.

Thực hiện thỏa thuận tín dụng, bên vay là ông T, bà H đã được Ngân hàng giải ngân cho vay tổng số tiền 368.000.000 đồng; ông T, bà H đã trả cho Ngân hàng cụ thể như sau:

Khoản vay 283.000.000 đồng: Tiền gốc đã trả 169.033.000 đồng;

Lãi đã trả 80.728.843 đồng;

Khoản vay 85.000.000 đồng: Tiền gốc đã trả 28.313.027 đồng;

Lãi đã trả 13.157.370 đồng;

Ông T, bà H đã trả tổng nợ gốc là 197.346.027 đồng, trả tổng nợ lãi là 93.886.213 đồng.

Trong đó số tiền vay 283.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 113.967.000 đồng, lãi trong hạn là 18.516.748 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn 63.865.037 đồng.

Trong số tiền vay 85.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 56.686.973 đồng, lãi trong hạn là 4.520.139 đồng, lãi quá hạn 44.220.849 đồng, lãi chậm trả 10.123.831 đồng.

Xét tính pháp lý của các thỏa thuận tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật thi hành, các bên tham gia giao kết phải tuân thủ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận đã ký kết.

Theo đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, buộc vợ chồng ông T, bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày **14/7/2023 với tổng số tiền cả hai khoản vay là 311.900.577 đồng. Kể từ ngày 15/7/2023 cho** đến khi thi hành án xong, ông T, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng.

Quá trình giải quyết tại Toà án Bì đơn không có ý kiến gì về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn của Ngân hàng. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] *Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo đảm tín dụng*:

[2.2.2] Biện pháp bảo đảm tiền vay được quy định trong Hợp đồng tín dụng nêu trên; nội dung chi tiết được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Việt Nam TV và bên thế chấp là ông Cấn Văn T, bà Bùi Thị H. Tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu XE TAI GIAI PHONG số khung 5237FH000047, số máy

LAGC15006131; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 29C – 745.26 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H.

Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp là nghĩa vụ trả nợ số tiền 283.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên số tiền đảm bảo cho nợ gốc 283.000.000 đồng.

[2.2.2] Xét tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 có nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật để thi hành; Yêu cầu của nguyên đơn được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên vay là ông T, bà H không thực hiện được nghĩa vụ tín dụng là có căn cứ, được chấp nhận. Trường hợp ông T, bà H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng Việt Nam TV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu XE TAI GIAI PHONG số khung 5237FH000047, số máy LAGC15006131; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 29C – 745.26 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H.

[2.2.3] *Về phạm vi bảo đảm*: Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 xác định phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp là nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc của khoản vay là 283.000.000 đồng và số tiền vay 85.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng trên dư nợ gốc của hai khoản vay.

Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì ông Cấn Văn T, bà Bùi Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Việt Nam TV cho đến khi trả xong nợ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Việt Nam TV số tiền 13.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV: Buộc ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền còn nợ tính đến ngày 11/02/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 10269357 ngày 16/11/2016 và khế ước nhận nợ số 10269357 ngày 16/11/2016; Hợp đồng cho vay số LD1922100702 ngày 09/08/2019 với tổng số tiền là:

Trong đó số tiền vay 283.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 113.967.000 đồng, lãi trong hạn là 18.516.748 đồng, lãi quá hạn 63.865.037 đồng. Tổng 196.348.785 đồng.

Số tiền vay 85.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 56.686.973 đồng, lãi trong hạn là 4.520.139 đồng, lãi quá hạn 44.220.849 đồng, lãi chậm trả 10.123.831 đồng. Tổng 115.551.792 đồng.

2. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, Hợp đồng cho vay đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV.

3. Trường hợp ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý đối với tài sản đảm bảo Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV và bên thế chấp giữa ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu XE TAI GIAI PHONG số khung 5237FH000047, số máy LAGC15006131; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 29C – 745.26 thuộc quyền sở hữu/ sử dụng của ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H.

4. Khi xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì những người đang chiếm giữ, sử dụng tài sản thế chấp trên phải có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp theo yêu cầu của cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

5. Phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10269357 ngày 16/11/2016 là nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc của Hợp

đồng tín dụng số 10269357 ngày 16/11/2016 và khế ước nhận nợ số 10269357 ngày 16/11/2016; Hợp đồng cho vay số LD1922100702 ngày 09/08/2019 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng trên dư nợ gốc.

Trường hợp xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ thì ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV Việt Nam cho đến khi trả xong nợ.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cấn Văn T và bà Bùi Thị H phải nộp với số tiền là 15.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000 đồng (*Theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0025777 ngày 30-3-2023 của Chi cục Thi hành án huyện Thạch Thất*).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện TT (02 bản);
- Chi cục THADS huyện TT;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yên

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Chiến

Nguyễn Thị Mai

Nguyễn Thị Ngọc Yên

